

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **425/2022/DS-ST**

Ngày: 22/9/2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

2. Ông Trần Văn Bé Ba;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 189/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nam L, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp TB 1, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp ĐPT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: số 107 ô 4, khu 1, thị trấn C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N2, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp BTĐ, xã BP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp ĐL, xã LBD, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

(*Chị N1 và bà T có mặt, ông N2 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nam L, có đại diện ủy quyền là chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 trình bày:*

Do quen biết nên ngày 30/9/2021 âm lịch (tức ngày 04/11/2021 dương lịch) bà L có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn N2 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T vay số tiền 100.000.000 đồng để kinh doanh, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, đến ngày 30/11/2021 âm lịch (tức ngày 02/01/2022 dương lịch) thì trả nợ. Khi vay tiền thì có mặt cả ông N2 và bà T nhưng khi làm biên nhận thì chỉ có ông N2 ký vào biên nhận. Quá thời hạn trả nợ thì ông N2 và bà T không thực hiện dù bà L nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông N2, bà T phải trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 04/11/2021 đến khi xét xử, tạm tính đến khi nộp đơn là 4.980.000 đồng, tổng cộng 104.980.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn N2 trình bày:*

Ông có vay nợ của bà Nguyễn Thị Nam L, số tiền 70.000.000 đồng. Trước năm 2021 ông có trả lãi đầy đủ cho bà L, nhưng đến năm 2021 do dịch bệnh nên ông không còn khả năng trả lãi. Đến ngày 30/9/2021 ông có ký biên nhận cho bà L với số tiền 100.000.000 đồng là đã cộng thêm tiền lãi. Ông đồng ý trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin không trả lãi.

Việc ông trả lãi cho bà L thì không có giấy tờ gì chứng minh, ông cũng không nhớ rõ đã trả cho bà L số tiền lãi bao nhiêu nên không có yêu cầu.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T trình bày:*

Bà và ông Huỳnh Văn N2 là vợ chồng, cưới nhau vào năm 1986 và đăng ký kết hôn vào năm 1994. Ông N2 vay tiền của bà Nguyễn Thị Nam L nhiều lần, bà không biết rõ số tiền, lãi suất thỏa thuận 15%/tháng, ông N2 có trả tiền lãi cho bà L nhưng bà không rõ bao nhiêu. Đến năm 2021 do dịch bệnh nên kinh tế khó khăn, ông N2 không còn khả năng trả lãi. Đến ngày 30/9/2021 âm lịch thì ông N2 còn nợ số tiền gốc là 70.000.000 đồng, bà L cộng thêm tiền lãi thành 100.000.000 đồng. Ông N2 đã ký biên nhận cho bà L với số tiền 100.000.000 đồng. Bà L khởi kiện yêu cầu bà và ông N2 trả tiền thì bà đồng ý cùng ông N2 trả số tiền 100.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà xin không trả lãi do không có khả năng.

Về việc ông N2 trả lãi cho bà L thì bà nghe ông N2 kể lại chứ không có giấy tờ chứng minh.

** Tại phiên tòa:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị N1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà L, yêu cầu ông N2 và bà T trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 02/01/2022 đến khi xét xử, làm tròn là 08 tháng, thành tiền 6.640.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 106.640.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà T đồng ý cùng với ông N2 trả cho bà L 100.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không tính lãi.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nam L khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn N2 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T trả số tiền nợ 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Bị đơn ông N2 cư trú tại ấp BTĐ, xã BP, huyện Chợ Gạo, bà T cư trú tại ấp DL, xã LBD, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Huỳnh Văn N2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông N2.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nam L về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn N2 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 30/9/2021 âm lịch (tức ngày 04/11/2021 dương lịch) bà L có cho vợ chồng ông N2 và bà T vay số tiền 100.000.000 đồng để kinh doanh, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, đến ngày 30/11/2021 âm lịch (tức ngày 02/01/2022 dương lịch) thì trả nợ. Quá thời hạn trả nợ thì ông N2 và bà T không thực hiện dù bà L nhiều lần yêu cầu trả nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp một Giấy mượn tiền kinh doanh ngày 30/9/2021 âm lịch với số tiền 100.000.000 đồng có chữ ký của ông Huỳnh Văn N2.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 23/8/2022, ông N2 trình bày chữ ký trong Giấy mượn tiền kinh doanh ngày 30/9/2021 âm lịch là của ông, thực tế ông N2 chỉ nợ bà L số tiền 70.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh, đồng thời phía nguyên đơn cũng không thừa nhận. Mặt khác, ông N2 cũng đồng ý trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng. Do

đó có đủ căn cứ xác định ông N2 còn nợ bà L số tiền 100.000.000 đồng nên cần buộc ông N2 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà L.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15/7/2022 và trong Biên bản hòa giải ngày 15/8/2022 tại Tòa án, bà T trình bày bà là vợ của ông N2 và đồng ý liên đới cùng với ông N2 trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị N1 yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 02/01/2022 đến khi ngày xét xử 22/9/2022 là 08 tháng 20 ngày, chị N1 tự nguyện làm tròn là 08 tháng, thành tiền 6.640.000 đồng. Phía bị đơn xin không trả lãi. Xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở. Lãi suất và thời hạn tính lãi của nguyên đơn phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét lời trình bày của bị đơn ông N2 và bà T là trước năm 2021 ông N2 có trả lãi cho bà L nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu, không có chứng cứ chứng minh và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về thời hạn trả nợ: Bị đơn ông N2 và bà T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Do đó cần buộc ông N2 và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ 100.000.000 đồng, tiền lãi 6.640.000 đồng, tổng cộng là 106.640.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông N2 và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

[9] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 220, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nam L.

Buộc ông Huỳnh Văn N2 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nam L số tiền nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi là

6.640.000 đồng, tổng cộng là 106.640.000 đồng (*Một trăm linh sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Nam L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Văn N2 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Văn N2 và bà Nguyễn Thị Huỳnh T phải chịu 5.332.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Nam L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.625.000 đồng theo biên lai thu số 0024809 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thủy Uyên